| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 415/2023/HC-PT
Ngày 15 tháng 6 năm 2023.
V/v: "Khiếu kiện quyết định bồi thường hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Mai Xuân Thành

**Các thẩm phán:** Bà Phạm Thị Duyên

Ông Hà Huy Cầu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 94/2023/TLPT-HC ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định bồi thường hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1370/2023/QĐPT-HC ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Trần Văn R, sinh năm 1962 (có mặt).

Cư trú: 5D1, Tổ X, khóm Đông Th, phường Đông X, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố Long X, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

***Đại diện theo ủy quyền:*** Ông Đào Văn Ng – Phó Chủ tịch UBND thành phố Long X (Văn bản ủy quyền số: 3577/UBND-NC ngày 05/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Long X) (có mặt).

***Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người bị kiện:*** Ông Bùi Quang Tr - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Long X, tỉnh An Giang (có mặt).

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Nh, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Tổ X, khóm Đông Th, phường Đông X, thành phố Long X, tỉnh An Giang.

**- Người kháng cáo:** Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố Long X, tỉnh An Giang.

**- Người kháng nghị:** Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Người khởi kiện - ông Trần Văn R trình bày:**

Ông và vợ là Huỳnh Thị Cẩm Nh có diện tích đất 1.645m$^2$, tọa lạc tại phường Mỹ H, thành phố Long X; Thửa số: 177, tờ bản đồ 87, loại đất: LNK được UBND thành phố Long X cấp Giấy chứng nhận số CH01550 ngày 29/11/2011.

Ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Long X ban hành Quyết định số 5127/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh để thực hiện Dự án Khu Tây Đại học X mở rộng, phường Mỹ H, thành phố Long X.

Cùng ngày 23/12/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Long X ban hành Quyết định số 5128/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh, địa chỉ 5D1, khóm Đông Th, phường Đông X, thành phố Long X, có nội dung:

"Điều 1:

1. Bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh để thực hiện dự án Khu Tây Đại học X mở rộng, phường Mỹ H, thành phố Long X, tỉnh An Giang với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 3.070.805.697 đồng, gồm các khoản sau đây:

- Bồi thường chi phí về đất: 2.074.345.000 đồng

+ Đất LNK 1.645m$^2$ x 1.261.000đ/m$^2$ = 2.074.345.000 đồng;

- Bồi thường chi phí về nhà và vật kiến trúc:

+ Nhà 62,65m$^2$ x 90% x 2.773.000đ/m$^2$ = 156.355.605 đồng

+ Nhà bếp 18,48m$^2$ x 90% x 2.311.000đ/m$^2$ = 38.436.552 đồng.

+ Đồng hồ điện 01 cái 1.295.000 đồng.

+ Nhà vệ sinh 3,23m$^2$ x 3.698.000 đồng = 11.944.540 đồng.

- Bồi thường chi phí về cây trồng và vật nuôi: 164.149.000 đồng;

- Các chính sách hỗ trợ: 624.280.000 đồng.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: 1.645m$^2$ x 360.000đ/m$^2$ = 592.200.000 đồng

+ Hỗ trợ ổn định đời sống 12 tháng x 4nk x 360.000đ/tháng = 17.280.000 đồng.

+ Hỗ trợ di dời 01 hộ x 10.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

+ Hỗ trợ thuê nhà (4nk): 03 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 4.800.000 đồng.

2. Ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh được giao 01 nền đất ở có thu tiền tại Khu tái định cư của dự án đầu tư xây dựng Khu Dân cư Tây Đại học X mở rộng, giá đất để thu tiền sử dụng đất là 6.569.000đồng/$m^2$. Riêng đối với các nền góc thì nhân hệ số 1,2….”

Ông R cho rằng Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Long X không đúng với quy định pháp luật, đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi chính đáng của gia đình ông mà cụ thể là giá đất bồi thường, các khoản hỗ trợ trong đó có hỗ trợ tái định cư mà lẽ ra ông phải được giao 02 nền nhà tái định cư vì hộ ông có 04 người, 02 gia đình (gồm có vợ chồng ông và vợ chồng con ông). Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân tành phố Long X.

**- Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố Long X:** Đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại nhưng không có ý kiến mà có cung cấp cho Tòa án hồ sơ bồi thường, đồng thời có đơn đề nghị vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố Long X phát biểu quan điểm:** Việc UBND thành phố Long X ban hành quyết định thu hồi đất của ông Trần Văn R để thực hiện Dự án Khu Tây Đại học X mở rộng tại phường Mỹ H, thành phố Long X là công trình nhằm phát triển kinh tế xã hội. UBND thành phố Long X ban hành Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 là đúng với trình tự, thủ tục quy định pháp luật. Về giá bồi thường quyền sử dụng đất, UBND thành phố đã căn cứ vào Quyết định phê duyệt giá đất bồi thường của UBND tỉnh An Giang, dựa trên kết quả của Hội đồng thẩm định giá độc lập, có độ tin cậy chính xác và Tờ trình của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh để xác định. Việc người khởi kiện đưa ra Quyết định bồi thường đất cho ông Phạm Trí D để so sánh giá bồi thường là không chính xác, bởi vì: đất của ông Diễn gần đường nhựa của Khu Dân cư Tây Đại học, mặc dù cùng là đất Mỹ H nhưng đất ông Diễn chỉ cách đường nhựa một con kênh nên thuận dường đi, đồng thời nguồn vốn đầu tư xây dựng Dự án trên là nguồn vốn khác. Đối với việc yêu cầu giao thêm 01 nền nhà tái định cư do ông R khai thiệt hại chỉ 02 người ở độ tuổi 16 – 60, đồng thời ngoài nhà ông R trên khu đất bị thu hồi thì ông R còn có 02 nhà ở trên địa bàn phường Đông X nên UBND chỉ giao 01 nền nhà tái định cư có thu tiền sử dụng đất là hợp lý. Do đó đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn R.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 14/9/2022, Toà án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:**

*Căn cứ:*

*Các Điều 32, 115, 116, 193, 194, 204, 206, 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015*

*Điều 9 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn R.*

*Hủy Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố Long X về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh, địa chỉ 5D1, khóm Đông Th, phường Đông X, thành phố Long X.*

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 10 năm 2022, người bị kiện là UBND thành phố Long X, tỉnh An Giang có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Kháng nghị.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo. Sửa bản án sơ thẩm; Không chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của người kháng cáo, chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa Bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ngày 23 tháng 12 năm 2021, UBND thành phố Long X ban hành Quyết định số 5127/QĐ-UBND về việc thu hồi đất với diện tích đất 1.645m$^2$ loại đất: LNK tọa lạc tại phường Mỹ H, thành phố Long X để thực hiện Dự án Khu Tây Đại học X mở rộng trong đó có hộ gia đình ông R. Ngày 23 tháng 12 năm 2021, UBND Thành phố Long X ban hành Quyết định số 5128/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh. Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông R là 3.070.805.697 đồng. Không đồng ý với việc bồi thường nêu trên, ông R khởi kiện đến Tòa án vì cho rằng việc bồi thường chưa thỏa đáng.

[2] Xét đơn kháng cáo của UBND thành phố Long X và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về giá bồi thường: UBND thành phố Long X căn cứ vào Quyết định số 5114/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố Long X phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu Tây Đại học X mở rộng để xác định giá đất bồi thường khi thu hồi quyền sử dụng đất. Đồng thời, giá đất nêu trong Quyết định 5114/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 và căn cứ vào Quyết định 968/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt giá đất bồi thường dự án đầu tư xây dựng Khu Tây Đại học X mở rộng để xác định giá đất bồi thường đất trồng cây hàng năm là 1.261.000 đồng/m$^2$. Xét thấy việc áp giá để tính bồi thường cho hộ gia đình ông R giá đất bồi thường đất trồng cây lâu năm là 1.261.000 đồng/m$^2$ là có căn cứ đúng pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng *"hồ sơ bồi thường khi thu hồi đất đối với hộ ông Trần Văn R (do người bị kiện cung cấp) không có Tờ trình 231/TTr-STNMT ngày 28/4/2021 mà chỉ có Tờ trình 232/TTr-STNMT ngày 28/4/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang có nội dung giá đất trồng cây hàng năm là 1.261.000đồng/m$^2$. Chứng tỏ căn cứ để UBND thành phố Long X xác định giá đất bồi thường cho ông Trần Văn R chưa chuẩn xác về mặt thủ tục"*. Đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ của ông R cung cấp để so sánh giá đất được bồi thường của 02 thửa đất có vị trí khác nhau để từ đó hủy quyết định của UBND thành phố Long X đối với nội dung về giá đất là không có cơ sở bởi lẽ UBND thành phố Long X đã có văn bản giải thích việc có sai sót về con số trong soạn thảo văn bản, đồng thời chứng cứ của ông R đưa ra so sánh là không có cơ sở bởi vì phần đất của ông Phạm Trí D có nhà ở, và kinh doanh nhà trọ, thuận tiện cho việc đi lại, mặt khác Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt giá bồi thường của 02 dự án ở các thời điểm khác nhau.

Từ nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của UBND thành phố Long X và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu giữ nguyên giá đất bồi thường theo Quyết định 5114/QĐ-UBND là có cơ sở.

[2.2.] Về các chính sách hỗ trợ:

- *Về hỗ trợ tái định cư*: Bản án sơ thẩm nhận định và cho rằng: Do trên diện tích đất bị thu hồi có 01 căn nhà của ông Trần Văn R với 04 nhân khẩu, trong đó có 02 người ở độ tuổi 16 – 60, nên việc Quyết định 5128/QĐ-UBND xác định:

"Ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh được giao 01 nền đất ở có thu tiền tại Khu tái định cư của dự án đầu tư xây dựng Khu Dân cư Tây Đại học X mở rộng, giá đất để thu tiền sử dụng đất là 6.569.000 đồng/$m^2$. Riêng đối với các nền góc thì nhân hệ số 1,2" là phù hợp với quy định tại Điều 79 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 33, Điều 34, Điều 36 của Quyết định số 33/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh An Giang. Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm xác định ông R khiếu kiện phần chính sách hỗ trợ tái định cư để yêu cầu thêm 1 nền tái định cư nữa là không có căn cứ xét thấy việc nhận định của Toà án cấp sơ thẩm là có cơ sở đúng pháp luật.

- *Hỗ trợ ổn định đời sống*: Quyết định 5128/QĐ-UBND xác định tiền hỗ trợ ổn định đời sống là 12 tháng x 4nk x 360.000đ/tháng = 17.280.000 đồng, là phù hợp quy định.

Xét thấy; Toà án cấp sơ thẩm nhận định và cho rằng việc ông R yêu cầu thêm một nền tái định cư nữa là không có căn cứ đồng thời cho rằng việc hỗ trợ ổn định đời sống số tiền 17.280.000 đồng là phù hợp, tuy nhiên Toà án cấp sơ thẩm lại huỷ toàn bộ Quyết định 5128/QĐ-UBND là không đúng.

- *Hỗ trợ chuyển đổi nghề* với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại, cụ thể:

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2022 xác định toàn bộ diện tích đất của ông Trần Văn R nằm trọn trong khu vực 300m tính từ đường ranh giới hành chính phường Mỹ Ph - Mỹ H.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 vào Quyết định 70/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh An Giang về ban hành bảng giá các loại đất áp dụng giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh An Giang thì đất ông Thông thuộc đất khu vực giáp ranh giữa 02 phường Mỹ Ph, Mỹ H. Do đó giá đất theo quy định của Quyết định 70/2019/QĐ-UBND là (158.000 đồng/$m^2$ + 120.000 đồng/$m^2$): 2 = 139.000 đồng/$m^2$.

Như vậy tiền hỗ trợ phải được tính là (139.000 đồng/$m^2$ x 3) x 1.645$m^2$. Tuy nhiên tại Quyết định 5128/QĐ-UBND chỉ tính (120.000 đồng/$m^2$ x 3) x 1.645$m^2$ là không đúng quy định. Do vậy cần phải huỷ một phần Quyết định số 5128/QĐ-UBND về nội dung Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm để Ủy ban nhân dân thành phố Long X thực hiện việc bồi thường cho đúng quy định nêu trên.

Từ nhận định nêu trên xét thấy đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố Long X và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang được chấp nhận một phần; Hội đồng xét xử sẽ sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông Trần Văn R; Huỷ một phần Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố Long X về việc bồi thường, hỗ trợ đối với ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh về nội dung hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

[3] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được Tòa án chấp nhận một phần nên người bị kiện là UBND thành phố Long X phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Đối với chi phí tố tụng 1.300.000 đồng để thực hiện thẩm định, ông Trần Văn R tự nguyên chịu và đã thực hiện xong.

Uỷ ban nhân dân thành phố Long X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của UBND thành phố Long X, tỉnh An Giang và chấp nhận một phần Kháng nghị số 13/QĐ-VKS-HC ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ:

Các Điều 32, 115, 116, 193, 194, 204, 206, 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Điều 9 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn R.

Hủy một phần Quyết định số 5128/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố Long X về việc hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với ông Trần Văn R và bà Huỳnh Thị Cẩm Nh, địa chỉ 5D1, khóm Đông Th, phường Đông X, thành phố Long X.

Về án phí hành chính sơ thẩm: UBND thành phố Long X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Chi phí tố tụng là 1.300.000 đồng, ông Trần Văn R tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố Long X không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 300.000 đồng UBND thành phố Long X nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000324 ngày 05 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án tỉnh An Giang nay được chuyển nộp sang tiền án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh An Giang; (1)
- VKSND tỉnh An Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh An Giang; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ (1)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- NTTAM). (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Xuân Thành**